

Số: 387/2018/QĐST- HNGĐ

Lục Nam, ngày 03 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 290/2018/TLST/HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980

Bị đơn: Chị Dương Thị C, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện Lục Nam, tỉnh B Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956

- Anh Nguyễn Văn V, sinh ngày 25/10/2002

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh ngày 25/10/2002

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện Lục Nam, tỉnh B Giang

- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch huyện Lục Nam do ông Nguyễn Phương B đại diện theo ủy quyền.

Địa chỉ: Thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh B Giang

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2018 là hoàn T tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn T và chị Dương Thị C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về Con chung:* Giao cho chị Dương Thị C nuôi con Nguyễn Văn V, sinh 25/10/2002. Anh Nguyễn Văn T nuôi con Nguyễn Văn Q, sinh 25/10/2002.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản:* Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản tự thỏa thuận ngày 19/11/2018, cụ thể như sau:

+ Giao cho anh Nguyễn Văn T quản lý, sử dụng 180m² đất ở (0NT) tại thửa đất số 231, tờ bản đồ 102, tại thôn P, xã A, huyện Lục Nam, tỉnh B Giang, đã được UBND huyện Lục Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 29/8/2017, mang tên ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị C, số CI088210, số vào sổ cấp GCN: CS03124. Anh Nguyễn Văn T được sở hữu T bộ tài sản, cây cối, hoa màu, lâm lộc trên đất.

+ Giao cho anh Nguyễn Văn T sở hữu: 01 nhà 02 tầng, có diện tích 158m²; 01 nhà ăn có diện tích 65,155m²; 01 bán mái nhà ăn có diện tích 23,55m²; 01 chuồng lợn có diện tích 42,33m²; 01 mái tôn có diện tích 48,14m² và T bộ các tài sản, cây cối, hoa màu, lâm lộc trên diện tích đất 726m² tại thôn P, xã A, huyện Lục Nam, đã được Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/11/2000 mang tên hộ bà Nguyễn Thị L, vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Số 01823QSDĐ/QĐSỐ574/QĐ/UB(H).

+ Giao cho chị Dương Thị C quản lý, sử dụng thửa đất số 00, tờ bản đồ 00, diện tích 186m² tại thôn P, xã A, huyện Lục Nam, tỉnh B Giang, đã được Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/9/2006 mang tên hộ ông Nguyễn Văn T, bà Dương Thị C (đã được đính chính ngày 25/10/2018, mã hồ sơ số LN.TNH128A.181023.17587), Số AH034774, Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H04614/2881/QĐ-UBND. Chị Dương Thị C được sở hữu T bộ tài sản, cây cối, hoa màu, lâm lộc trên đất.

+ Anh Nguyễn Văn T phải trích trả cho chị Dương Thị C 230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng) tiền công sức đóng góp vào việc hình thành, tôn tạo và phát triển khối tài sản chung. Thời hạn anh T phải thanh toán trả chị C là ngày 23/11/2019.

+ Anh Nguyễn Văn T, chị Dương Thị C mỗi người phải trả Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch huyện Lục Nam ½ số tiền gốc còn nợ là 40.000.000đ và ½ tiền lãi suất phát sinh kể từ tháng 11/2018. Cụ thể: Anh Nguyễn Văn T phải trả 20.000.000đ, cùng số tiền lãi phát sinh; chị Dương Thị C phải trả 20.000.000đ, cùng tiền lãi phát sinh, kể từ tháng 11/2018.

- *Về chi phí tố tụng:* Anh Nguyễn Văn T phải thanh toán trả chị Dương Thị C 5.000.000đ tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

- *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn T phải chịu 500.000đ tiền án phí DSST và 75.000đ tiền án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/000397 ngày 04/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh B Giang.

Chị Dương Thị C phải chịu 500.000đ tiền án phí DSST và 75.000đ án phí HNGĐ- ST, nhưng được khấu trừ vào số tiền 25.750.000đ tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp. Hoàn trả chị Dương Thị C 25.175.000đ tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003350 ngày 30/7/2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh B Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B Giang;*
- *Chi cục THADS cùng cấp;*
- *UBND xã A;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Huân